TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2024/DS-ST
Ngày: 09-07-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng
2. Bà Đàm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 *tham gia phiên toà:*

Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 07 năm 2024 tại Tòa án nhân dân Quận 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Đỗ Quốc V theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 05 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST-DS ngày 18 tháng 06 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần A**
Trụ sở: đường X, Phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P- chức danh: Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hứa Thị Phương K - sinh năm 1993
Địa chỉ: đương N, Phường O, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền số 918/UQ-QLN.23 ngày 28/06/2023) (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Quốc V** - sinh năm 1972 (vắng mặt)
Thường trú: đường A, Phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: đường I, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/06/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 16/05/2019, Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho ông Đỗ Quốc V bằng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; cụ thể: số thẻ tín dụng 4365991000498379; ngày cấp 22/5/2019; loại thẻ JCB Gold; hạn mức 20.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Ngày 01/06/2020, ông Đỗ Quốc V có ký giấy đề nghị chuyển đổi thẻ tín dụng; cụ thể: số thẻ tín dụng 4365991000498379; ngày cấp 04/06/2020; loại thẻ Visa Platium; hạn mức 50.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Đỗ Quốc V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngày 13/11/2021, Ngân hàng TMCP A ra thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ trước hạn đối với tín dụng nêu trên.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 443.247.265 đồng. Ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 402.625.564 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 394.491.041 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 8.134.523 đồng.

Tính đến ngày 09/07/2024, ông V còn nợ Ngân hàng số tiền là: 113.450.995 đồng, trong đó: vốn gốc là 48.756.224 đồng; lãi trong hạn là 10.421.074 đồng; lãi quá hạn là 54.273.697 đồng.

Do đó, Ngân hàng yêu cầu ông Đỗ Quốc V trả cho Ngân hàng TMCP A tổng dư nợ còn thiếu tính đến ngày 09/07/2024 là 113.450.995 đồng, trong đó: vốn gốc là 48.756.224 đồng, lãi trong hạn là 10.421.074 đồng, lãi quá hạn là 54.273.697 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ và Bản điều khoản điều kiện sử dụng thẻ từ ngày 10/07/2024 đến ngày ông V trả dứt nợ, theo thứ tự: vốn gốc, lãi quá hạn.

Bị đơn: Ông Đỗ Quốc V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông V vẫn không đến Tòa làm việc nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên không có ý kiến trình bày. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp. Những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A: Buộc ông Đỗ Quốc V phải thanh toán số tiền tính đến ngày 09/07/2024 là 113.450.995 đồng, trong đó: vốn gốc là 48.756.224 đồng, lãi trong hạn là 10.421.074 đồng, lãi quá hạn là 54.273.697 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, vắng mặt của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín

dụng" theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/05/2019, giấy đề nghị chuyển đổi thẻ tín dụng 01/06/2020 thì các bên thỏa thuận địa chỉ của bị đơn tại Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Xét người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đương sự:

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Ngày 16/05/2019, Ngân hàng TMCP A cấp tín dụng cho ông Đỗ Quốc V bằng giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng; cụ thể: số thẻ tín dụng 4365991000498379; ngày cấp 22/5/2019; loại thẻ JCB Gold; hạn mức 20.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A. Ngày 01/06/2020, ông Đỗ Quốc V có ký giấy đề nghị chuyển đổi thẻ tín dụng; cụ thể: số thẻ tín dụng 4365991000498379; ngày cấp 04/06/2020; loại thẻ Visa Platium; hạn mức 50.000.000 đồng; lãi suất, phí: theo Bản các điều khoản điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP A. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 443.247.265 đồng. Ông V đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 402.625.564 đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc giao dịch là 394.491.041 đồng và các loại tiền phí, tiền lãi, phạt chậm trả là 8.134.523 đồng. Tính đến ngày 09/07/2024, ông V còn nợ Ngân hàng số tiền là: 113.450.995 đồng, trong đó: vốn gốc là 48.756.224 đồng; lãi trong hạn là 10.421.074 đồng; lãi quá hạn là 54.273.697 đồng.

Xét, quá trình thụ lý giải quyết vụ án, để làm rõ số tiền hiện còn nợ và số tiền mà bị đơn đã thanh toán, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến của mình nhưng bị đơn vẫn vắng mặt xem như đã tự tước bỏ quyền cung cấp chứng cứ, quyền tự bảo vệ lợi ích của mình trước Tòa nên phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ. Do đó, việc nguyên đơn tự nguyện khai báo về số tiền mà bị đơn đã thanh toán, cũng như số tiền hiện còn nợ là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về lãi suất:

Xét thấy, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/05/2019; giấy đề nghị chuyển đổi thẻ tín dụng 01/06/2020; bản các điều khoản và điều kiện sử dụng

thẻ tín dụng quốc tế của Ngân hàng Thương mại cổ phần A; văn bản cập nhật Biểu phí, lãi suất của các loại thẻ ACB phát hành số 374/NVCV – TTT.17 ngày 09/06/2017; quy định biểu phí, lãi suất, số lượng thẻ và hạn mức giao dịch đối với thẻ do ACB phát hành số 343/NVQĐ-TTT.20 ngày 28/09/2020 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì giữa Ngân hàng với ông V thỏa thuận mức lãi suất là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

[4] Về thời hạn thanh toán:

Do bị đơn vi phạm thời hạn trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc ông Đỗ Quốc V phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A tổng số tiền còn nợ là 113.450.995 đồng *(một trăm mười ba triệu bốn trăm năm mươi ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng)*, trong đó: vốn gốc là 48.756.224 đồng; lãi trong hạn là 10.421.074 đồng; lãi quá hạn tạm tính đến

ngày 09/7/2024 là 54.273.697 đồng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 16/05/2019, giấy đề nghị chuyển đổi thẻ tín dụng 01/06/2020 số thẻ 4365991000498379.

Thanh toán một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đỗ Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.672.550 đồng *(năm triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm năm mươi đồng)* và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.212.479 đồng *(hai triệu hai trăm mười hai ngàn bốn trăm bảy mươi chín đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2023/0035535 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Ngân hàng Thương mại cổ phần A và ông Đỗ Quốc V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 10;
- TAND Tp HCM;
- THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân